

# PHONG CÁCH HỌC TẬP NGOẠI NGỮ CỦA SINH VIÊN: TRƯỜNG HỢP HỌC TIẾNG TRUNG TẠI VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Đặng Thị Hồng Nhung\*, Nguyễn Thị Quỳnh Như, Lê Thanh Vy,  
Trương Hoàng Linh Chi, Nguyễn Thị Kim Chung, Trịnh Đức Anh  
Trường Đại học Văn Lang

---

**Thông tin chung:**

Ngày nhận bài: 10/03/2025

Ngày phản biện: 12/03/2025

Ngày duyệt đăng: 04/8/2025

\*Tác giả chính:

nhung.dth@vlu.edu.vn

DOI:

<https://doi.org/10.70879/8664EAk01>

**Title:**

Foreign language learning styles of students: the case of learning chinese in Vietnam and China

**Từ khóa:**

Phong cách học tập ngoại ngữ, Tiếng Trung Quốc, Sinh viên trong nước, Du học sinh tại Trung Quốc

**Key words:**

Foreign language learning style, Chinese, Students in Vietnam, Vietnamese international students in China

**TÓM TẮT:** Nghiên cứu này nhằm so sánh phong cách học tập ngoại ngữ của sinh viên Việt Nam học tập tiếng Trung tại Việt Nam và Trung Quốc. Dữ liệu được thu thập từ 222 sinh viên với 128 sinh viên tại TP.HCM và 94 du học sinh Việt Nam tại Trung Quốc. Sử dụng bảng khảo sát nhận thức phong cách học tập yêu thích của Reid [18], được điều chỉnh để phù hợp với văn hóa Việt Nam bởi Lưu Hón Vũ [12]. Sử dụng phần mềm SPSS 20 để xử lý và phân tích số liệu với các phép toán tần suất, độ lệch chuẩn, Cronbach's Alpha, T-test, oneway ANOVA. Kết quả cho thấy sinh viên nam, sinh viên trên 23 tuổi và du học sinh tại Trung Quốc có điểm trung bình phong cách học tập cao hơn. Gia đình, phương tiện truyền thông và mục tiêu học tập thực tế và hiểu biết về văn hóa Trung Quốc là những yếu tố ảnh hưởng quan trọng. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường học tập tại Trung Quốc ảnh hưởng tích cực đến phong cách học tập thính giác, vận động và nhóm trong khi các phong cách như thị giác và cá nhân không có sự khác biệt đáng kể. Môi trường học tập ở thư viện hay quán cà phê cũng được ưu tiên hơn so với học tại nhà. Phương pháp học tập dựa trên thực tế xã hội và tự lập kế hoạch hàng tháng cũng cho thấy tính hiệu quả trong việc cải thiện phong cách học tập của sinh viên. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, việc tạo ra một môi trường học tập phù hợp là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ và giúp sinh viên thành công trong môi trường học tập quốc tế.

**ABSTRACT:** This study aims to compare the foreign language learning styles of Vietnamese students studying Chinese in Vietnam and in China. Data were collected from 222 students, including 128 in Ho Chi Minh City and 94 Vietnamese international students in China. The research utilized Reid's Perceptual Learning Style Preference Questionnaire (PLSPQ) [18], adapted to Vietnamese cultural context by Luu Hon Vu [12]. SPSS 20 was used for data processing and analysis, applying frequency, standard deviation, Cronbach's Alpha, T-test, and one-way ANOVA. The results indicated that male students, students over 23 years old, and those studying abroad in China scored higher on learning styles. Family, media, and practical learning goals related to understanding Chinese culture were identified as critical factors influencing learning styles. The study emphasizes the positive impact of the learning environment in China on auditory, kinesthetic, and group learning styles, while visual and individual styles showed no significant differences. Additionally, learning environments such as libraries and cafés were preferred over home study. Learning methods based on real-life social experiences and monthly self-planned schedules proved effective in improving students' learning styles. The study concludes that creating a conducive learning environment is crucial for enhancing the quality of foreign language education and supporting students' success in international learning settings.

## 1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự dịch chuyển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức được thúc đẩy bởi sự phát triển vượt bậc của khoa học và công nghệ, đã tạo ra nhiều yêu cầu mới cho các hệ thống giáo dục trên toàn thế giới. Đặc biệt tại Việt Nam, hệ thống giáo dục đang đối diện với nhiệm vụ quan trọng là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng sáng tạo, tư duy linh hoạt và đáp ứng được yêu cầu của một thị trường lao động quốc tế đang không ngừng thay đổi. Điều này đòi hỏi không chỉ sự cải cách về chương trình học mà còn là sự đầu tư nghiêm túc vào nghiên cứu các phương pháp giáo dục nhằm khai thác tối đa tiềm năng của người học [15]. Trong nghiên cứu của Alkhasawe và cộng sự đã đề cập phong cách học tập là những phẩm chất cá nhân ảnh hưởng đến cách người học tương tác với môi trường học tập, bạn bè và người hướng dẫn [1]; việc nhận thức và sử dụng hiệu quả phong cách học tập không chỉ giúp học sinh, sinh viên phát triển các kỹ năng học tập mà còn tăng cường sự tự tin và động lực học tập [4]. Ngoài ra, Dunn tuyên bố rằng những sinh viên hiểu biết và sử dụng phong cách học tập phù hợp có xu hướng cảm thấy bản thân có giá trị, được tôn trọng và được trao quyền; được học tập các phong cách học tập phù hợp sẽ giúp học sinh, sinh viên xử lý tài liệu nhanh chóng và trình bày hiệu quả. Ngay cả khi tài liệu không được trình bày theo cách phù hợp, người hướng dẫn có phong cách giảng dạy khác, chủ đề không quen thuộc, ... thì học sinh, sinh viên vẫn có thể sử dụng kiến thức, kỹ năng từ phong cách học tập phù hợp của bản thân để điều chỉnh sự khác biệt và linh hoạt trong việc học tập [4].

Nghiên cứu của Felder và Silverman cho thấy sự tương thích giữa phong cách học tập của sinh viên và phương pháp giảng dạy của giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập; ngược lại, sự không phù hợp giữa phong cách học tập và phương pháp giảng dạy có thể dẫn đến tình trạng thiếu tập trung, điểm số kém và giảm sự hài lòng trong học tập [6]. Trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Thảo đề cập đến các cá nhân có những cách học đa dạng và ưa

thích riêng, các sinh viên có phong cách học tập trực quan thường phản ứng tích cực với các phương tiện trực quan như biểu đồ, tranh ảnh và phim ảnh trong bài giảng; vì vậy trong mỗi khóa học, giảng viên nên tìm cơ hội để kết nối và sử dụng đa dạng các phong cách để giúp sinh viên tập trung vào bài giảng. Nhìn chung, sinh viên có xu hướng sử dụng phong cách học tập ưa thích nhưng cũng có thể thích nghi với phong cách khác khi cần; mặt khác, việc xem nhẹ tầm quan trọng của phong cách học tập có thể dẫn đến tình trạng người tham gia lớp học thiếu tập trung, ảnh hưởng đến điểm số và tỷ lệ chuyên cần, từ đó giảm sự hài lòng trong học tập [15].

Hiểu rõ phong cách học tập đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các chương trình giảng dạy hiệu quả và tối ưu hóa hiệu suất học tập của sinh viên. Gần đây nhiều nghiên cứu nhấn mạnh phương pháp tiếp cận cá nhân hóa dựa trên phong cách học tập ngày càng trở thành xu hướng giáo dục ở nhiều quốc gia phát triển trong đó nghiên cứu của Hussain đã chỉ ra rằng không tồn tại một phương pháp giáo dục chung nào có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu của tất cả học viên vì phong cách học tập của mỗi người khác nhau [10]. Do đó, các chương trình giảng dạy phải được thiết kế để đáp ứng sự đa dạng này nhằm nâng cao kết quả học tập.

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, hiểu rõ sự đa dạng về phong cách học tập còn mang lại giá trị quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên hội nhập vào môi trường học tập quốc tế. Nghiên cứu của Heringer đã chỉ ra rằng sinh viên có phong cách học tập phù hợp với bối cảnh văn hóa và môi trường khác nhau có khả năng thích ứng tốt hơn và phát triển hiệu quả hơn trong môi trường toàn cầu [9]. Ngoài ra, Hamdan Alghamdi cũng khẳng định, việc đầu tư nghiên cứu phong cách học tập không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ mà còn hỗ trợ sinh viên thành công trong bối cảnh giáo dục quốc tế [8]. Vì vậy, việc nghiên cứu và phát triển các phương pháp giảng dạy dựa trên phong cách học tập đã trở thành một yếu tố then chốt trong việc tạo ra môi trường học tập linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của người học và giúp họ hội nhập hiệu quả hơn.

Kế thừa từ nghiên cứu trước đó của Lưu Hón Vũ [12] về “Phong cách học tập ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh”, việc nghiên cứu phong cách học tập ngoại ngữ của sinh viên học tập tiếng Trung tại Việt Nam và Trung Quốc là cần thiết. Sự khác biệt về môi trường học tập và văn hóa có thể ảnh hưởng đến phong cách học tập và hiệu quả học tập của sinh viên. Nghiên cứu này không chỉ giúp hiểu rõ hơn về đặc điểm phong cách học tập của hai nhóm sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ mà còn chỉ ra một vài kỹ năng cần thiết để thành công trong môi trường học tập toàn cầu.

Trong khuôn khổ bài viết này nhóm nghiên cứu tập trung trả lời hai câu hỏi nghiên cứu sau đây:

Câu hỏi 1: Đặc điểm phong cách học tập ngoại ngữ - Tiếng Trung Quốc xét theo các yếu tố giới tính, độ tuổi, nơi học tập, yếu tố ảnh hưởng, mục tiêu học tập và môi trường học tập như thế nào?

Câu hỏi 2: Sự tương đồng và khác biệt trong phong cách học tập ngoại ngữ - Tiếng Trung Quốc giữa sinh viên học tập tại Việt Nam và Trung Quốc như thế nào?

## **2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

Tiếng Trung Quốc là một ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Hán-Tạng, có lịch sử lâu đời và hiện là một trong sáu ngôn ngữ chính thức của Liên Hợp Quốc. Chữ Hán gồm hai dạng: phồn thể và giản thể, trong đó chữ giản thể được sử dụng phổ biến tại Trung Quốc đại lục từ năm 1986. Việc học tiếng Trung không chỉ là tiếp cận một ngôn ngữ mà còn là tiếp cận một nền văn hóa sâu sắc và hệ thống tư duy đặc thù. Đối với sinh viên Việt Nam, đặc biệt là du học sinh tại Trung Quốc, việc học tiếng Trung đòi hỏi khả năng thích nghi cao với môi trường học tập, phương pháp giảng dạy và văn hóa học thuật mới.

Sinh viên là đối tượng học tập độc lập, có khả năng lập kế hoạch và tự quản lý việc học. Theo Nguyễn Ngọc Khê [14], sinh viên cần phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và quản lý thời gian để đạt hiệu quả cao.

UNESCO cũng chỉ ra rằng du học sinh phải đối mặt với thách thức trong thích nghi ngôn ngữ, văn hóa và môi trường học tập mới [20]. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến phong cách học tập của họ.

Phong cách học tập là cách cá nhân tiếp cận, xử lý và lưu trữ thông tin trong quá trình học. Theo Dunn [5], đây là tập hợp các đặc điểm cá nhân khiến một phương pháp giảng dạy phù hợp với người này nhưng không hiệu quả với người khác. Gass và Selinker [7] nhấn mạnh đến sự khác biệt trong tiếp nhận và xử lý thông tin của mỗi người học. Reid [19] cho rằng phong cách học tập ngoại ngữ phản ánh xu hướng cá nhân trong việc học một ngôn ngữ mới, ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp thu kiến thức.

Mô hình phong cách học tập của Reid (1987) được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu học ngoại ngữ; được phân loại thành sáu nhóm cảm quan: thị giác, thính giác, xúc giác, vận động, nhóm và cá nhân. Reid cũng đề xuất ba mức độ thể hiện phong cách: chính ( $\text{Mean} \geq 13.5$ ), phụ ( $\text{Mean} 11.5-13.49$ ) và tiêu cực ( $\text{Mean} \leq 11.49$ ). Mô hình này đã được ứng dụng trong nhiều nghiên cứu tại Việt Nam và quốc tế như Mei-Ling Chen (Đài Loan) [13], Bailey và cộng sự (Mỹ) [17], Bùi Thị Thúy Hằng [2], Lưu Hón Vũ [12], cho thấy tính khả dụng cao trong việc đánh giá và so sánh phong cách học tập trong các môi trường giáo dục khác nhau.

Dựa trên tổng hợp lý thuyết và các nghiên cứu trước, đề tài lựa chọn mô hình phong cách học tập của Reid làm cơ sở lý thuyết để khảo sát và so sánh phong cách học tiếng Trung của sinh viên Việt Nam học tập tại Việt Nam và Trung Quốc

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

#### **2.2.1. Phương pháp chọn mẫu**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có kiểm soát, với tổng cỡ mẫu ban đầu là 200, sai số tiêu chuẩn  $\pm 5\%$ , độ tin cậy 95%. Quá trình khảo sát diễn ra trong ba tuần từ tháng 11/2023, tại bốn trường đại học ở TP. HCM và cộng đồng du học sinh Việt Nam tại Trung Quốc. Sau khi sàng lọc, thu được 222 phiếu hợp lệ. Mẫu nghiên cứu phân bố cân đối về giới tính (47.3% nam, 55.4% nữ) và độ tuổi (63.5% từ 18–22

tuổi). Trong đó, 57.7% đang học tại Việt Nam và 42.3% đang học tại Trung Quốc.

**Bảng 1. Các đặc điểm nhân khẩu ở mẫu khách thể nghiên cứu (N=222)**

		Số lượng (N)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	105	47.3%
	Nữ	117	55.4%
Độ tuổi	18-22	141	63.5%
	Trên 23	81	36.5%
Nơi học	Việt Nam	128	57.7%
	Trung Quốc	94	42.3%
Người ảnh hưởng	Gia đình	34	15.3%
	Bạn bè	25	11.3%
	Qua phim ảnh, nhạc, ...	123	55.4%
	Ý kiến khác	40	18.0%
Mục tiêu học tập	Hiểu rõ về văn hóa	33	14.9%
	Hài lòng cha mẹ	20	9.0%
	Giao tiếp với người nước ngoài	41	18.5%
	Yêu thích ngôn ngữ qua các phương tiện truyền thông	80	36.0%
	Nghiên cứu chuyên sâu về chuyên ngành	16	7.2%
	Ý kiến khác	32	14.4%
Môi trường học tập	Nơi yên tĩnh: thư viện, quán cafe	89	40.1%
	Tại trường học	49	22.1%
	Tại nhà	67	30.2%
	Ý kiến khác	17	7.7%
Phương pháp học tập	Nghiên cứu tài liệu trên sách vở, internet	100	45.0%
	Liên hệ thực tế xã hội	35	15.8%
	Học hỏi từ bạn bè, thầy cô	28	12.6%
	Thiết lập kế hoạch học tập trong mỗi tháng	20	9.0%
	Ôn lại bài cũ sau mỗi buổi học	9	4.1%
Thời gian dành cho việc học	Ý kiến khác	30	13.5%
	Dưới 30	36	16.2%
	30 phút – 1 tiếng	103	46.4%
	Trên 1 tiếng	61	27.5%
	Ý kiến khác	22	9.9%

Công cụ khảo sát được thiết kế dựa trên thang đo Perceptual Learning Style Preference Questionnaire (PLSPQ) của Reid và nghiên cứu của Lưu Hón Vũ, gồm 30 câu hỏi đo lường sáu phong cách học tập: thị giác, thính giác, xúc giác, vận động, nhóm và cá nhân. Các câu hỏi được đánh giá trên thang đo Likert 5 mức độ, từ "hoàn toàn không đồng ý" đến "hoàn toàn đồng ý". Thang đo cho kết quả Cronbach's Alpha là 0.931, cho thấy độ tin cậy rất cao; tất cả các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu (Corrected Item-Total Correlation) lớn hơn 0.3.

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS-20, sử dụng các kỹ thuật: thống kê mô tả (tần suất, trung bình), kiểm định độ tin cậy (Cronbach's Alpha), kiểm định T-test (so sánh trung bình hai nhóm), và phân tích phương sai một nhân tố (one-way ANOVA) nhằm xác định sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên theo địa điểm học tập. Các phương pháp này đảm bảo tính logic và độ chính xác trong kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Đặc điểm phong cách học tập ngoại ngữ - tiếng Trung Quốc

**Bảng 2. Đặc điểm phong cách học tập ngoại ngữ - tiếng Trung Quốc với các biến nhân khẩu (N=222)**

Phong cách học tập ngoại ngữ tiếng Trung		Số lượng (%)	ĐTB	ĐLC
<b>Giới tính</b>	Nam	105 (47.3%)	19.07	4.02
	Nữ	117 (55.4%)	18.90	2.85
<b>Độ tuổi</b>	18-22	141 (63.5%)	18.82	3.80
	23 trở lên	81 (36.5%)	19.26	2.72
<b>Nơi học tập</b>	Việt Nam	128 (57.7%)	18.63	3.76
	Trung Quốc	94 (42.3%)	19.43	2.91
	Gia đình	34 (15.3%)	19.39	3.34
<b>Người ảnh hưởng</b>	Bạn bè	25 (11.3%)	18.43	4.80
	Qua phim ảnh, nhạc,...	123 (55.4%)	19.31	3.26
	Ý kiến khác	40 (18.0%)	17.95	2.92
	Hiểu rõ về văn hóa	33 (14.9%)	19.12	3.81
<b>Mục tiêu học tập</b>	Hài lòng cha mẹ	20 (9.0%)	18.66	2.73
	Giao tiếp với người nước ngoài	41 (18.5%)	19.41	3.40
	Yêu thích ngôn ngữ qua các phương tiện truyền thông	80 (36.0%)	19.12	3.51
	Nghiên cứu chuyên sâu về chuyên ngành	16 (7.2%)	17.04	2.61
	Ý kiến khác	32 (14.4%)	19.10	3.60
<b>Môi trường học tập</b>	Nơi yên tĩnh: thư viện, quán cafe	89 (40.1%)	19.00	3.91
	Tại trường học	49 (22.1%)	18.94	3.53
	Tại nhà	67 (30.2%)	18.93	2.59
	Ý kiến khác	17 (7.7%)	19.18	3.82
<b>Phương pháp học tập</b>	Nghiên cứu tài liệu trên sách vở, internet	100 (45.0%)	18.86	3.63
	Liên hệ thực tế xã hội	35 (15.8%)	19.20	3.26
	Học hỏi từ bạn bè, thầy cô	28 (12.6%)	18.88	3.17
	Thiết lập kế hoạch học tập trong mỗi tháng	20 (9.0%)	18.93	3.44
	Ôn lại bài cũ sau mỗi buổi học	9 (4.1%)	18.63	3.41
<b>Thời gian dành cho việc học</b>	Ý kiến khác	30 (13.5%)	19.33	3.50
	Dưới 30	36 (16.2%)	18.19	2.91
	30 phút – 1 tiếng	103 (46.4%)	19.33	3.59
	Trên 1 tiếng	61 (27.5%)	18.90	3.43
	Ý kiến khác	22 (9.9%)	18.87	3.59

Bảng 3 cho thấy sự khác biệt đáng kể về phong cách học tập giữa các nhóm sinh viên. Sinh viên nam có xu hướng sử dụng các phong cách học tập tích cực hơn hoặc có động lực học tiếng Trung cao hơn so với sinh viên nữ. Sinh viên từ 23 tuổi trở lên có điểm trung bình cao hơn so với nhóm 18-22 tuổi (19.26% so với 18.82%), phản ánh kinh nghiệm học tập phong phú hơn và khả năng quản lý thời gian tốt hơn.

Sinh viên học tập tại Trung Quốc có điểm trung bình cao hơn so với sinh viên trong nước (19.43% so với 18.63%), có thể do môi

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu trường học tập tại Trung Quốc tạo điều kiện thực hành ngôn ngữ và tiếp xúc với người bản xứ nhiều hơn. Gia đình là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến phong cách học tập của sinh viên (ĐTB = 19.39%), tiếp theo là phim ảnh và âm nhạc (ĐTB = 19.31%), cho thấy tầm quan trọng của môi trường hỗ trợ trong việc hình thành thói quen học tập.

Mục tiêu học tập phổ biến nhất là giao tiếp với người nước ngoài (ĐTB = 19.41%), trong khi các yếu tố như hiểu biết văn hóa, sở thích cá nhân và yêu cầu học tập cũng có ảnh hưởng đáng kể. Sinh viên đánh giá cao môi

trường học tập yên tĩnh như thư viện và quán cà phê (ĐTB = 19.00%), đồng thời ưa chuộng phương pháp liên hệ thực tế xã hội (ĐTB = 19.20%) và lập kế hoạch học tập hàng tháng (ĐTB = 18.93%).

Ngoài ra, sinh viên dành từ 30 phút đến 1 tiếng mỗi ngày cho việc học có điểm trung

### **cách học tập ngoại ngữ của sinh viên trong nước và sinh viên học tập tại Trung Quốc**

**Bảng 3. So sánh phong cách học tập ngoại ngữ - tiếng Trung Quốc giữa sinh viên trong nước và sinh viên học tập tại Trung Quốc (N=222)**

Phong cách học tập	Nơi học tập	Số lượng	ĐTB	ĐLC	p
Loại thị giác	Việt Nam	128	18.54	3.97	.450
	Trung Quốc	94	18.93	3.45	
Loại thính giác	Việt Nam	128	18.88	3.98	<b>.017*</b>
	Trung Quốc	94	20.12	3.48	
Loại xúc giác	Việt Nam	128	18.80	4.17	.083
	Trung Quốc	94	19.70	3.30	
Loại vận động	Việt Nam	128	19.04	4.03	<b>.008**</b>
	Trung Quốc	94	20.38	3.22	
Loại nhóm	Việt Nam	128	18.59	4.36	<b>.009**</b>
	Trung Quốc	94	20.00	3.39	
	Việt Nam	128	17.91	4.96	
Loại cá nhân	Trung Quốc	94	17.62	4.22	.648

*Chú thích: \*p < .05, \*\*p < .01*

Bảng 3 cho thấy phong cách học tập ngoại ngữ được yêu thích nhất là loại vận động, tiếp theo là thính giác, nhóm và xúc giác, thị giác, và cuối cùng là cá nhân. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Lưu Hón Vũ [12] khi phong cách cá nhân ít được ưa chuộng, nhưng khác biệt ở phong cách học tập phổ biến nhất (vận động so với thị giác).

Sinh viên trong nước và du học sinh tại Trung Quốc có điểm trung bình phong cách học tập từ 17.62% đến 20.38%, cho thấy cả hai nhóm đều có phong cách học tập chính. Không có sự khác biệt đáng kể về phong cách thị giác (p = .450) và cá nhân (p = .648). Tuy nhiên, du học sinh sử dụng phong cách thính giác (p = .017), vận động (p = .008) và nhóm (p = .009) nhiều hơn so với sinh viên học tại Việt Nam. Phong cách xúc giác có điểm trung bình cao hơn ở du học sinh nhưng không có ý nghĩa thống kê (p = .083). Điều này cho thấy môi trường học tập có thể ảnh hưởng đến sự ưu tiên phong cách học tập của sinh viên.

bình cao nhất (ĐTB = 19.33%), cho thấy lịch học tập đều đặn và hợp lý mang lại hiệu quả cao hơn so với việc học trong thời gian quá dài.

### **3.2. Tương đồng và khác biệt trong phong**

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Kết quả trên chỉ ra rằng môi trường học tập tại Trung Quốc đã tác động tích cực đến phong cách học tập thính giác, vận động và nhóm của sinh viên, trong khi các phong cách học tập khác không có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm sinh viên trong nước và du học. Thêm nữa, sự khác biệt về phong cách học tập giữa sinh viên học tập tại quốc gia gốc và tại quốc gia khác cũng tương đồng với các nghiên cứu trước đây về sự ảnh hưởng của môi trường văn hóa đến phong cách học tập như nghiên cứu của Reid cho thấy sinh viên quốc tế có xu hướng thích nghi với phong cách học tập của quốc gia mà họ đang học tập, đặc biệt trong các kỹ năng học tập liên quan đến thính giác và vận động [19]; hay nghiên cứu của Oxford, R. L., và Anderson, N. J. cũng ủng hộ quan điểm môi trường học tập và văn hóa có ảnh hưởng quan trọng đến cách sinh viên phát triển và sử dụng phong cách học tập [16]. Tuy nhiên, sự khác biệt không đáng kể ở một số phong cách như loại thị giác và loại cá nhân cho thấy rằng những phương

pháp học tập này có tính phổ quát hơn và không bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố văn hóa hoặc môi trường học tập. Điều này tương tự với kết luận của Dunn rằng một số phong cách học tập có thể mang tính phổ quát và không thay đổi nhiều dù bối cảnh văn hóa khác nhau [3]. Ngoài ra, các yếu tố văn hóa như truyền thống giáo dục, thói quen học tập và phương pháp giảng dạy tại các quốc gia khác nhau cũng có thể ảnh hưởng đến sự phát triển phong cách học tập của sinh viên như trong nghiên cứu của Khaskhuu, A., & Chimed-Ochir, N. cho thấy rằng các sinh viên từ các nền văn hóa khác nhau có thể có những mong đợi khác nhau về cách tiếp cận học tập, điều này có thể dẫn đến sự khác biệt trong cách họ tiếp nhận kiến thức và kỹ năng [11].

Những phát hiện này nhấn mạnh rằng việc hiểu rõ những yếu tố văn hóa có ảnh hưởng đến phong cách học tập là rất quan trọng để xây dựng môi trường học tập hiệu quả hơn cho sinh viên, đồng thời cung cấp các giải pháp giáo dục phù hợp hơn trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu về phong cách học tập ngoại ngữ của sinh viên Việt Nam học tập tiếng Trung tại Việt Nam và Trung Quốc cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách mà các yếu tố như giới tính, độ tuổi, nơi học tập, yếu tố ảnh hưởng, mục tiêu học tập và môi trường học tập có thể ảnh hưởng đến phong cách học tập của sinh viên.

Bảng 3 của nghiên cứu này cho thấy điểm trung bình phong cách học tập ở sinh viên nam cao hơn so với sinh viên nữ (19.07 > 18.90), điểm số cao hơn ở nhóm tuổi từ 23 trở lên so với nhóm từ 18 - 22 (19.26 > 18.82), và sinh viên học tập tại Trung Quốc có điểm trung bình cao hơn so với sinh viên học tập trong nước (19.43 > 18.63). Các yếu tố nhân tố như gia đình (ĐTB = 19.39), phương tiện truyền thông như phim ảnh và âm nhạc (ĐTB = 19.31) hay bạn bè (ĐTB = 18.43) có ảnh hưởng lớn đến phong cách học tập của sinh viên. Các mục tiêu học tập như giao tiếp với người nước ngoài (ĐTB = 19.41) và hiểu rõ hơn về văn hóa Trung Quốc (ĐTB = 19.12) được xác định là những mục tiêu quan trọng đối với sinh viên, trong khi môi trường học

tập yên tĩnh như thư viện và quán cafe (ĐTB = 19.00) và nơi học tập tại trường (ĐTB = 18.94) được ưa thích hơn là học tại nhà (ĐTB = 18.93). Về phương pháp học tập, việc tự thiết lập kế hoạch học tập hàng tháng (ĐTB = 18.93) và sử dụng các mô hình liên quan đến thực tế xã hội (ĐTB = 19.20) được coi là hiệu quả trong việc cải thiện phong cách học tập của sinh viên. Kết quả nghiên cứu đã trả lời được câu hỏi nghiên cứu 1 mà nhóm nghiên cứu đề ra.

Bảng 3 chỉ ra loại phong cách học tập của sinh viên học tập tại Việt Nam và du học sinh tại Trung Quốc đều thuộc phong cách học tập chính với điểm trung bình từ 17.62 đến 20.38, tuy nhiên, có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm sinh viên trong một số phong cách học tập. Cụ thể, du học sinh tại Trung Quốc có xu hướng sử dụng phong cách học tập thính giác ( $p = .017$ ), vận động ( $p = .008$ ), nhóm ( $p = .009$ ) nhiều hơn so với sinh viên trong nước. Các phong cách học tập khác như thị giác, xúc giác và cá nhân không có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm. Điều này cho thấy môi trường học tập tại Trung Quốc có ảnh hưởng tích cực đến việc sử dụng phong cách học tập thính giác, vận động và nhóm của sinh viên. Kết quả nghiên cứu đã trả lời được câu hỏi nghiên cứu 2 mà nhóm nghiên cứu đề ra.

Nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về các yếu tố ảnh hưởng đến phong cách học tập ngoại ngữ - tiếng Trung Quốc của sinh viên. Sự khác biệt về giới tính, độ tuổi, môi trường học tập và các yếu tố cá nhân như gia đình, mục tiêu học tập đều đóng vai trò quan trọng trong việc định hình phong cách và hiệu quả học tập. Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng việc tạo điều kiện và môi trường học tập phù hợp, phát triển các kỹ năng cần thiết là rất quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục ngoại ngữ và giúp sinh viên thành công trong môi trường học tập toàn cầu.

#### Tài liệu tham khảo

1. Alkhasawneh, I. M., Mrayyan, M. T., Docherty, C., Alashram, S., & Yousef, H. Y. (2008). Problem-based learning (PBL): Assessing students' learning preferences using VARK. *Nurse Education Today*,

- 28(5), 572-579.  
<https://doi.org/10.1016/j.nedt.2007.09.012>
2. Bùi Thị Thúy Hằng. (2017). Tương quan giữa đặc điểm nhân cách và phong cách học tập của sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 139*, tr.80-84.
  3. Dunn, R. (1993). Learning Styles of the Multiculturally Diverse. *Emergency Librarian, 20*(4), 24-32.
  4. Dunn, R., Beaudry, J. S., & Klavas, A. (1989). Survey of research on learning styles. *Educational Leadership, 46*(6), 50-58. Retrieved from Digital Commons (USM Digital Commons).
  5. Dunn, R., & Griggs, S. (1988). Dunn, R., & Griggs, S. A. (1988). *Learning styles: A quiet revolution in American secondary schools*. National Association of Secondary School Principals.
  6. Felder, R. M., & Silverman, L. K. (1988). Learning and teaching styles in engineering education. *Engineering Education, 78*(7), 674-681.
  7. Gass, S. M., & Selinker, L. (2008). Gass, S. M., & Selinker, L. (2008). *Second language acquisition: An introductory course* (3rd ed.). New York, NY: Routledge.
  8. Hamdan Alghamdi, A. K. (2014). The road to culturally relevant pedagogy: Expatriate teachers' pedagogical practices in the cultural context of Saudi Arabian higher education. *McGill Journal of Education, 49*(1), 201-226.
  9. Heringer, R. (2019). The Pertinence of a Culturally Relevant Pedagogy in Internationalized Higher Education. *International Education Studies, 12*(1), 1-9.
  10. Hussain, I. (2024). Exploring the Impact of Learning Styles on Tailoring Individual Learners' Needs: A Systemic Review. *Journal of Management & Educational Research Innovation, 2*(1), 16-26.
  11. Khaskhuu, A., & Chimed-Ochir, N. (2023). Learning Styles and Cultural Differences: A comparative study of cultural differences in Austrian and Mongolian Students. *Embedded Selforganising Systems, 10*(7), 95-101.
  12. Lưu Hón Vũ. (2021). Phong cách học tập ngoại ngữ thứ hai – tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, 16*(1), tr.5-14.
  13. Mei-Ling Chen. (2009). Influence of grade level on perceptual learning style preferences and language learning strategies of Taiwanese English as a foreign language learners. *Journal of Learning and Individual Differences, 19*, 304-308.
  14. Nguyễn Ngọc Khê. (2007). *Tiếp cận văn học hậu hiện đại*. Tạp chí Văn học, 15(2), 45-59.
  15. Nguyễn Thị Phương Thảo. (2021). Nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên năm nhất tại Khoa Quốc tế - Đại học Thái Nguyên. *Tạp chí TNU Journal of Science and Technology, số 09*, tr.22-29.
  16. Oxford, R. L., & Anderson, N. J. (1995). A crosscultural view of learning styles. *Language teaching, 28*(4), 201-215.
  17. Phillip Bailey, Christine E. Daley, & Anthony J. Onwuegbuzie. (1999). Foreign Language Anxiety and Learning Style. *Journal of Foreign Language Annals, 32*(1), 64-76.
  18. Reid, J. M. (1984). Perceptual learning style preference questionnaire. In J. M. Reid (Ed.), *Learning styles in the ESL/EFL classroom* (pp. 202-204). Heinle & Heinle Publishers.
  19. Reid, J. M. (1987). The learning style preferences of ESL Students. *TESOL Quarterly, 21*(1), 87-110. <https://doi.org/10.2307/3586356>
  20. UNESCO. (2006). *International Standard Classification of Education (ISCED) – ISCED 2011*.